

hàn zì
汉字

noun · Chinese character

Common Words

hàn yǔ
汉语
Chinese language

míng zì
名字
name (of a person or thing)

wén zì
文字
character

Trace each character, then write the whole word.

汉 汉 汉 汉 汉 汉 汉 汉

字 字 字 字 字 字 字 字 字